TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2684/2021/LĐ-ST
Ngày: 29-12-2021
V/v tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, tranh chấp tiền lương.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hợi.

Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Hồ Thị Thu Hiền.
Nơi công tác: Cán bộ Liên đoàn Lao động thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
2/ Bà Đặng Thị Thu Oanh.
Nơi công tác: Cán bộ Tư pháp phường Long Phước, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hải Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Võ Hồng Duyên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 29 tháng 12 năm 2021 tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ: Đường Lò Lu, phường Trường Thạnh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử công khai vụ án lao động sơ thẩm thụ lý số 13/2020/TLST-LĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, tranh chấp tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6526/2021/QĐXXST-LĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Y, sinh năm 1995.
Địa chỉ: số x Lập Thành, xã Y, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
- Bà Lê T, sinh năm 1982.
Hoặc bà Phan H, sinh năm 1998.
Hoặc bà Trương T1, sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ: Tầng z số a Nguyễn K, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền ngày 05/3/2021)

2. Bị đơn: Công ty P.

Trụ sở chính: số w, LK01 Đại lộ G, xóm j, xã U, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh: số F Đường H1, khu phố R, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

- Bà Nguyễn N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: số slk Phổ Quang, Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số /GUQ/2020 ngày 12/11/2020).

- Ông Lê N1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: xyz Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 14/5/2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 30/9/2020, nguyên đơn bà Phan Y trình bày:

Ngày 02/5/2019, bà Y và Công ty P (gọi tắt là Công ty P) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ký kết Hợp đồng lao động số HDLD1/2019, với nội dung thỏa thuận như sau:

- Loại hợp đồng lao động: Hợp đồng lao động có thời hạn và không hủy ngang trong vòng 03 năm kể từ ngày 02/5/2019.

- Nơi làm việc: Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: số F Đường H1, khu phố R, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chức vụ: Phó phòng Kế hoạch cung ứng vật tư (phụ trách bộ phận kế toán).

- Tổng mức lương thực lãnh hàng tháng là 22.000.000 đồng (trong đó lương cơ bản là 8.500.000 đồng). Các khoản hỗ trợ: phụ cấp chuyên cần: 500.000 đồng, phụ cấp nhà ở: 500.000 đồng, phụ cấp xăng xe: 300.000 đồng, phụ cấp giao thông, điện thoại, năng suất kinh doanh: 12.000.000 đồng, các chế độ thưởng theo tình hình tài chính của công ty hoặc thỏa thuận khác (nếu có).

- Thời gian trả lương ngày 05 hàng tháng.

Ngày 14/4/2019, bà Y bắt đầu tiếp nhận công việc theo sự phân công của ông Nguyễn D (Giám đốc Chi nhánh Công ty P tại Thành phố Hồ Chí Minh) và sự chỉ đạo của ông Trần B (Kế toán trưởng của Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh).

Trong suốt quá trình làm việc bà Y luôn hoàn thành tốt các công việc được giao và theo sát sự chỉ đạo của ban lãnh đạo Công ty P- Chi nhánh Thành

phố Hồ Chí Minh cũng như thực hiện đầy đủ trách nhiệm dưới cương vị là một Phó phòng Kế hoạch cung ứng vật tư (Phụ trách bộ phận kế toán).

Khi giám đốc mới là ông Trần H2 vào thay thế ông Nguyễn D tại Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thì mọi công việc của bà Y bị dừng lại một cách đột ngột. Ngày 01/7/2019, ông Trần B đã chỉ đạo và yêu cầu thủ kho không được cung cấp và báo cáo số liệu cho bà Y đồng thời nhắn tin yêu cầu bà Y bàn giao hồ sơ bà đang đảm nhiệm và nắm giữ. Sau khi bà Y bàn giao đầy đủ các hồ sơ tài liệu bà đảm nhiệm theo yêu cầu thì vào ngày 03/7/2019, ông B nhắn tin cho bà Y với nội dung: "Y không phải lo công việc của P nữa nhé! Để đó B làm được rồi" và không phản hồi bất kỳ tin nhắn nào từ đó trở đi.

Bà Y đã cố gắng liên hệ với ông B và Ban lãnh đạo của Công ty P- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh mong được giải đáp thắc mắc và đưa ra hướng giải quyết thuyết phục để bà tiếp tục làm việc bình thường nhưng không liên lạc được. Bà Y nhiều lần đến văn phòng làm việc nhưng không vào được, sau đó khoảng 02 tuần bà Y được biết Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển vào khuôn viên công trình FR, Quận 9 (cũ).

Ngày 16/9/2019, tại văn phòng mới trong khuôn viên công trình FR, Quận 9 (cũ) của Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, bà Y đã gặp các ông Lê T3 – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty P, Trần H2 – Giám đốc mới của Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Trần B – Kế toán trưởng, ông H3 – Nhân sự và ông Nguyễn D – Giám đốc cũ của Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, để yêu cầu cho biết lý do chấm dứt hợp đồng lao động, xin trả đủ lương, xin lại sổ bảo hiểm nhưng không được giải quyết.

Ngày 21/9/2019, bà Y gửi Đơn khiếu nại qua email đến Công ty P và Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu cho biết lý do đuổi việc, yêu cầu thanh toán lương, yêu cầu thanh toán viện phí...

Ngày 25/9/2019, bà Y làm đơn gửi Phòng Lao động Thương binh và Xã hội Quận 9 (cũ) yêu cầu hòa giải tranh chấp lao động. Ngày 04/10/2019, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội Quận 9 (cũ) tiến hành hòa giải nhưng Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh không đến.

Sau nhiều lần liên hệ Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh vẫn chưa thanh toán lương và giải quyết các chế độ liên quan nên ngày 30/9/2020, bà Y nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 9 (cũ) yêu cầu:

- Buộc Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh phải nhận bà Y quay trở lại làm việc;

- Trường hợp không thể nhận bà quay trở lại làm việc thì phải trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày bà không được làm việc với số tiền 330.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo lãi suất ngân hàng cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động tương đương với số tiền 44.000.000 đồng;

- Bồi thường thêm nhưng ít nhất phải bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động để chấm dứt hợp đồng lao động tương đương với số tiền 44.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà Y yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là 418.000.000 đồng.

Ngày 20/10/2020 và ngày 08/12/2020, nguyên đơn bà Phan Y có đơn khởi kiện (về việc sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện) như sau:

- Tuyên việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động số HDLD1/2019 ngày 02/5/2019 giữa bà Y với Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là trái pháp luật;

- Buộc Công ty P thanh toán cho bà Yến số tiền lương còn thiếu từ tháng 5/2019 cho đến 03/7/2019 là 39.538.462 đồng;

- Buộc Công ty P thanh toán cho bà Yến tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tiền lương theo quy định tại Điều 24 Nghị định 05/2015/NĐ-CP tạm tính đến ngày 15/11/2020 (với mức lãi suất 4,78%/năm- lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam) là 2.632.405 đồng trong đó tiền lãi chậm thanh toán của tháng 5 là 1.039.159 đồng, tiền lãi chậm thanh toán của tháng 6 là 1.437.667 đồng và tiền lãi chậm thanh toán của tháng 7 là 155.579 đồng;

- Buộc Công ty P bồi thường tiền lương cho những ngày không báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại Khoản 5 Điều 42 Bộ luật lao động 2012 là 30 ngày tương ứng với 22.000.000 đồng;

- Bà Y không muốn quay lại làm việc nên yêu cầu Công ty P phải trả tiền lương trong những ngày bà không được làm việc (từ ngày 04/7/2019 đến ngày 01/5/2022) và 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 22.000.000 đồng x 33 tháng 27 ngày + 22.000.000 đồng x 2 tháng = 789.800.000 đồng;

- Buộc Công ty P phải trả trợ cấp thôi việc cho bà theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012: 22.000.000x ½ x3 = 33.000.000 đồng;

- Buộc Công ty P đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà tại cơ quan bảo hiểm có thẩm quyền đối với những ngày không được làm việc tính từ ngày 04/7/2019 đến ngày 01/5/2022 là 8.500.000 đồng x 21,5%x 33 tháng 27 ngày = 62.135.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bà Yến yêu cầu Công ty P phải trả cho bà là 886.970.866 đồng và đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Y tại cơ quan bảo hiểm có thẩm quyền là 62.135.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê T và bà Trương T1 thống nhất trình bày:

Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ rút một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể:

- Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu: Buộc Công ty P đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà tại cơ quan bảo hiểm có thẩm quyền đối với những ngày không được làm việc tính từ ngày

04/7/2019 đến ngày 01/5/2022 với số tiền là 8.500.000 đồng x 21,5%x 33 tháng 27 ngày = 62.135.000 đồng.

- Thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Buộc Công ty P thanh toán cho bà Y tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tiền lương theo quy định tại Điều 24 Nghị định 05/2015/NĐ-CP tạm tính đến ngày 27/12/2021 (với mức lãi suất 4,78%/năm- lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam) là 4.739.816 đồng;

- Giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện còn lại:

+ Tuyên việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động số HDLD1/2019 ngày 02/5/2019 giữa bà Y với Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là trái pháp luật;

+ Buộc Công ty P thanh toán cho bà Y số tiền lương còn thiếu từ tháng 5/2019 cho đến 03/7/2019 là 39.538.462 đồng;

+ Buộc Công ty P bồi thường tiền lương cho những ngày không báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại Khoản 5 Điều 42 Bộ luật lao động 2012 là 30 ngày tương ứng với 22.000.000 đồng;

+ Bà Y không muốn quay lại làm việc nên yêu cầu Công ty P phải trả tiền lương trong những ngày bà không được làm việc (từ ngày 04/7/2019 đến ngày 01/5/2022) và 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 22.000.000 đồng x 33 tháng 27 ngày + 22.000.000 đồng x 2 tháng = 789.800.000 đồng;

+ Buộc Công ty P phải trả trợ cấp thôi việc cho bà theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012: 22.000.000x ½ x3 = 33.000.000 đồng;

Tổng số tiền bà Y yêu cầu Công ty P phải trả cho bà là: 39.538.462 đồng + 4.739.816 đồng + 22.000.000 đồng +789.800.000 đồng + 33.000.000 đồng = 889.068.278 đồng; Trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 11/11/2021, bà Phan H có đơn xin vắng mặt trong các buổi làm việc, xét xử tại Tòa án nhân dân các cấp khi giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty P, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Lê N1, bà Nguyễn N thống nhất trình bày:

- Bà Phan Y không phải là nhân viên của Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Y là nhân viên Công ty A2 (gọi tắt là Công ty A2) – Công ty của ông Lê T4 (thành viên góp vốn và đang có tranh chấp với Công ty P):

Bà Y không đến công ty làm việc ngày nào, trong bảng chấm công không có tên bà Y trong khi toàn bộ nhân viên phòng kế toán có chấm công đầy đủ và theo quy định của công ty đi làm phải có chấm công mới được nhận lương.

Tại bảng lương của Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tháng 5/2019 có thông tin người nhận lương là bà "Phạm Y", với mức lương 7.000.000 đồng nhưng do bà Nguyễn L ký nhận thay. Số tiền này là bị đơn hỗ trợ chi phí đi lại cho bà Y với tư cách là nhân viên đối tác – Công ty A2. Do sai sót nên đánh sai tên của bà Y và việc ghi vào bảng lương là để tiện cho việc làm chứng từ chứ bà Y không phải là nhân viên của bị đơn, bị đơn cũng không cho nhận lương thay.

Trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2019, bà Y đều đi cùng và về cùng với ông T4 khi đến văn phòng Công ty P- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để trao đổi làm việc riêng với ông Nguyễn D trong phòng giám đốc.

Từ tháng 3/2017 đến tháng 6/2019, Công ty A2 là đơn vị đóng bảo hiểm xã hội cho bà Y tại Văn phòng bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai.

Việc bà Y khẳng định mình là nhân viên giữ chức vụ: Phó phòng kế hoạch cung ứng vật tư (Phụ trách bộ phận kế toán) của Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là hoàn toàn bịa đặt, không có căn cứ bởi Công ty P không có chức danh này, bà Y cũng không có quyết định bổ nhiệm.

Tại thời điểm đầu tháng 5/2019, bà Y vẫn thực hiện việc trao đổi với ông Trần B với tư cách là đại diện cho Công ty A2 để thực hiện việc đàm phán giá nguyên vật liệu do Công ty A2 cung cấp cho Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài các tin nhắn trao đổi với ông B, bà Y còn trao đổi các nội dung về mua bán, cung cấp nguyên vật liệu từ Công ty A2 cho Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với ông L3 (Kế toán Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh).

Đồng thời, trong những ảnh chụp cuộc trao đổi giữa ông Trần B với ông Lê T4 (Chủ tịch Công ty A2), ông T4 đã xác nhận việc để bà Y thay mặt ông T4 và Công ty A2 làm việc với ông B về các vấn đề liên quan đến Hợp đồng kinh tế giữa Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty A2.

- Hợp đồng lao động do bà Y cung cấp kèm theo đơn khởi kiện Công ty P là Hợp đồng giả mạo, tự tạo lập cùng với ông Nguyễn D vì hợp đồng này không giống biểu mẫu Hợp đồng lao động do Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và ký kết với người lao động khác trước đó cả về nội dung và hình thức. Trên hợp đồng không đề ngày tháng năm, cũng không có căn cứ nào chứng minh hợp đồng này được ký ngày 02/5/2019 như trình bày của bà Y. Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh không hề biết đến sự tồn tại cũng không có bản lưu của bản hợp đồng này.

Thời hạn hợp đồng chung của Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ký với hơn 60 người người lao động là 12 tháng nhưng thời hạn trên hợp đồng bà Yến cung cấp lại ký với thời hạn 03 năm và cho đến khi dự án FR hoàn thành.

Tất cả hợp đồng lao động Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ký đều có ghi căn cứ và điều luật trong khi hợp đồng của bà Y cung cấp có những điều khoản hết sức vô lý, bảo vệ quá đáng quyền lợi của người lao động, không có công ty nào ký hợp đồng như vậy.

- Theo trình bày của bà Y tại trang 2 của đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2020, thì bà Y đã biết quyền lợi của mình bị vi phạm từ ngày 03/7/2019, 16/9/2019, 21/9/2019 nhưng đến ngày 30/9/2020 bà Y mới nộp đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân Quận 9 (cũ) là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê N1 trình bày: Xác định năm 2019, Công ty P – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và bà Phan Y có ký hợp đồng lao động số HDLD1/2019 ngày 02/5/2019, nhưng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức áp dụng thời hiệu khởi kiện khi giải quyết vụ án; bị đơn không có ý kiến gì về việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn N - vắng mặt và có đơn ngày 26/12/2021 đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: thụ lý đúng quy định theo thẩm quyền, vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng nội dung, thành phần xét xử, đúng thời gian, địa điểm.

Về nội dung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc Công ty P đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Yến tại cơ quan bảo hiểm có thẩm quyền đối với những ngày không được làm việc. Đình chỉ giải quyết vụ án lao động vì đã hết thời khởi kiện; Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phan Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp tiền lương. Đây là tranh chấp về lao động theo điểm a Khoản 1 và Khoản 5 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do nguyên đơn làm việc tại chi nhánh của bị đơn có địa chỉ tại thành phố Thủ Đức (Quận 9 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 35 và điểm b Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tranh chấp lao động nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9 nay là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục sơ thẩm.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2. 1]. Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp tiền lương. Trong nội dung Thông báo về việc thụ lý vụ án số 1632/TB-TLVA ngày 06/11/2020 của Tòa án nhân dân Quận 9 (cũ) và Thông báo về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện số 02/TA-TB ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh ghi "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động". Tuy nhiên, trong quá trình giải

quyết, các đương sự đã trình bày nội dung đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp tiền lương, Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng cũng như thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất đã thể hiện bao gồm tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp tiền lương nên không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án.

[2.2] Về sự tham gia tố tụng của các đương sự:

Tại phiên tòa, một trong những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phan H vắng mặt và có đơn xin vắng mặt ngày 11/11/2021, một trong những người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn N vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 26/12/2021. Căn cứ Điều 228, Điều 241 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và nội dung Giấy ủy quyền đã được Văn phòng công chứng Lê T5, địa chỉ: số vcs đường W, khu phố 3, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai chứng thực ngày 05/3/2021 về việc nguyên đơn ủy quyền cho bà Lê T hoặc bà Trương T1 hoặc bà Phan H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Các đương sự tham gia và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Các bên đương sự không yêu cầu mời người làm chứng, người tham gia tố tụng khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về chứng cứ của vụ án:

Tòa án đã đảm bảo việc công khai các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự cam kết không có tài liệu chứng cứ nào khác và tại phiên tòa các đương sự cũng không bổ sung thêm chứng cứ nào khác.

[2.4]. Về việc thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tiền lương. Xét, việc thay đổi yêu cầu của phía nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Buộc bị đơn đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn tại cơ quan bảo hiểm có thẩm quyền đối với những ngày không được làm việc tính từ ngày 04/7/2019 đến ngày 01/5/2022 là 62.135.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút trên.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 28/01/2021, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện trong vụ án "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, tranh chấp tiền lương" với nguyên đơn, do đó căn cứ Khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng quy định về thời hiệu khi giải quyết vụ án.

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất: Năm 2019, Công ty P – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và bà Phan Y có ký kết hợp đồng lao động số HDLD01/2019 ngày 02/5/2019, nội dung thỏa thuận như nguyên đơn trình bày.

Ngày 03/7/2019, nguyên đơn nhận được tin nhắn của ông Trần B với nội dung: "Y không phải lo công việc của P nữa nhé! …". Tuy nhiên, ông Trần B chỉ là kế toán trưởng của Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó không thể xác định ngày 03/7/2019 là ngày nguyên đơn biết và cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm.

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận: Ngày 16/9/2019, nguyên đơn đã gặp được ban lãnh đạo của bị đơn gồm các ông Lê T3 (Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty P), Trần H2 (Giám đốc mới của Công ty P chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh), ông Trần B (Kế toán trưởng), ông H3 (Nhân sự) và ông Nguyễn D (Giám đốc cũ của Công ty P - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh) để yêu cầu cho biết lý do chấm dứt hợp đồng lao động, yêu cầu trả đủ lương và giải quyết các chế độ liên quan đến hợp đồng lao động nhưng không được giải quyết.

Như vậy, có cơ sở xác định ngày 16/9/2019 là ngày nguyên đơn biết và cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm nên ngày 21/9/2019 nguyên đơn gửi Đơn khiếu nại việc chấm dứt hợp đồng lao động, yêu cầu trả đủ lương và giải quyết các chế độ liên quan đến hợp đồng lao động cho bị đơn. Ngày 25/9/2019, nguyên đơn gửi Đơn đề nghị hòa giải tranh chấp lao động gửi Phòng Lao động Thương binh và Xã hội Quận 9 (nay là Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

Tính từ ngày 16/9/2019 đến ngày 30/9/2020 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 9 (nay là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh là đã quá thời hạn 01 năm.

Ngày 31/3/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19. Trong đó có thể hiện nội dung "Thực hiện cách ly toàn xã hội trong vòng 15 ngày kể từ 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2020 trên phạm vi toàn quốc....". Đây được xem là sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan không thể lường trước được. Nhưng nguyên đơn trong vụ án này không thuộc trường hợp "*làm cho chủ thể có quyền khởi kiện, quyền yêu cầu không thể khởi kiện, yêu cầu trong phạm vi thời hiệu*"; "*và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép*"; "*không thể thực hiện được quyền, nghĩa vụ dân sự của mình*" như quy định tại Khoản 1 Điều 156 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bởi lẽ, thời gian thực hiện cách ly trong vòng 15 ngày kể từ 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2020 nêu trên không thuộc ngày cuối cùng của thời hạn hoặc thời điểm kết thúc ngày cuối cùng của thời hạn mà sau thời gian này nguyên đơn vẫn còn thời hiệu khởi kiện cho đến ngày 16/9/2020. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận: Sau khi bị đơn chấm dứt hợp đồng lao động, nguyên đơn không muốn kiện cáo, muốn giải quyết ổn thỏa với bị đơn nên không khởi kiện dù bị đơn không có bất kỳ động thái nào để giải quyết quyền lợi cho nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan nào khác hoặc bị gián đoạn khi có một trong các sự kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 153 Bộ luật dân sự 2015 xảy ra đối với nguyên đơn.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu không áp dụng thời hiệu đối với nguyên đơn vì: Thời hiệu bắt đầu tính là từ ngày xảy ra hành vi xâm phạm cuối cùng là ngày mà bị đơn không thiện chí tham gia hòa giải - ngày 04/10/2019 tại Phòng Lao động Thương binh và Xã hội Quận 9 nay là Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và khoảng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo Chỉ thị số 16/CT-TTg về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19 ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự quy định tại Khoản 1 Điều 156 Bộ luật dân sự 2015, là không phù hợp với trường hợp của nguyên đơn nên không chấp nhận.

Căn cứ Khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012: Thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm, kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà mỗi bên tranh chấp cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vì thời hiệu khởi kiện đã hết.

Đề nghị của bị đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Án phí sơ thẩm: Bà Phan Y thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí theo khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty P không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a Khoản 1, Khoản 5 Điều 32; điểm c Khoản 1 Điều 35; điểm b Khoản 1 Điều 40; Điều 147; Khoản 2 Điều 184; điểm e Khoản 1 Điều 217; Điều 228; Điều 241; Khoản 1, Khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012.

Áp dụng Khoản 2 Điều 153; Khoản 1 Điều 156 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty P đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Phan Y tại cơ quan bảo hiểm có thẩm quyền đối với những ngày không được làm việc tính từ ngày 04/7/2019 đến ngày 01/5/2022 với số tiền là 62.135.000 đồng.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án lao động đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Y và bị đơn là Công ty P về việc tranh chấp phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp tiền lương theo Hợp đồng lao động số HDLD1/2019 ngày 02/5/2019.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Phan Y thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí theo Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty P không phải chịu án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hợi